

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS-ST

Ngày 10 - 9 - 2026

V/v: “Tranh chấp tiền thuê nhà;
Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài
sản bị xâm phạm; Yêu cầu bồi
thường thiệt hại do danh dự, nhân
phẩm, uy tín bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mai và bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu
vực 5 – Khánh Hoà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà tham gia phiên
tòa:** Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh
Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 378/2026/TLST-DS ngày 13
tháng 8 năm 2026 về việc “*Tranh chấp tiền thuê nhà; Yêu cầu bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm,
uy tín bị xâm phạm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2026/QĐXXST-
DS ngày 19 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị H1, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà
Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Vào năm 2024, bà có thuê phòng trọ của bà Phan Thị H1, hai bên chỉ thỏa
thuận miệng, không làm hợp đồng thuê nhà, tiền thuê 1.500.000 đồng/tháng
(không bao gồm tiền điện nước), tháng đầu tiên bà phải đặt cọc 1.500.000 đồng,
tổng cộng là 3.000.000 đồng. Bà thuê phòng trọ của bà H1 liên tục đến ngày
30/7/2025, thì bà H1 gọi điện thoại nói bà trả tiền nhà 06 tháng bà H1 cho thêm
01 tháng tiền nhà thời gian từ ngày 30/7/2025 đến hết tết 28/02/2026 (khoảng

mùng 10 âm lịch).

Bà đồng ý và đã chuyển cho bà H1 tổng cộng 9.500.000 đồng (bao gồm 9.000.000 đồng tiền nhà và 500.000 đồng tiền điện nước). Ngày 04/10/2025, bà H1 gọi điện thoại yêu cầu bà trả lại phòng trọ, vì lý do bà nuôi mèo làm mất vệ sinh môi trường. Ban đầu bà không đồng ý nhưng vì bà H1 liên tục kiếm chuyện yêu cầu bà dọn khỏi phòng trọ nên bà nói để bà kiếm nhà xong thì sẽ trả phòng trọ. Ngày 17/10/2025 (ngày 26/8/2025 âm lịch), bà gọi điện thoại và nhắn tin yêu cầu bà H1 đến phòng trọ để bà trả phòng nhưng bà H1 không đến tuy nhiên bà H1 có nói bà chụp lại số đồng hồ điện nước và dọn nhà, tiền nhà còn dư thì bà H1 từ từ trả. Do đó, bà đã dọn dẹp đồ đạc và trả phòng cho bà H1 vào ngày 17/10/2025. Sau khi dọn dẹp bà có nhắn tin thông báo cho bà H1 nhưng bà H1 không xuống nhận phòng.

Vào ngày 17/10/2025, sau khi dọn đi bà vẫn giữ chìa khóa phòng trọ và còn một số đồ đạc còn ở phòng trọ, buổi chiều bà có về phòng trọ tắm.

Ngày 22/10/2025, bà H1 có xuống phòng trọ để nhận phòng, bà xác nhận bà và bà H1 thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê nhà vào ngày 22/10/2025. Từ ngày 30/7/2025 đến ngày 22/10/2025, bà và bà H1 tính tiền nhà bà đã ở là 03 tháng, bà chịu 4.000.000 đồng tiền nhà, bà H1 phải trả lại cho bà 5.000.000 đồng (4 tháng tiền nhà) và 1.500.000 tiền đặt cọc, tổng cộng bà H1 phải trả cho bà 6.500.000 đồng. Bà H1 có đưa cho bà 3.000.000 đồng tiền mặt, số tiền 3.500.000 đồng còn lại bà H1 nói tuần sau sẽ trả. Bà H1 có nói bà mở cửa để đồ nhưng bà không đồng ý và có khóa cửa. Khi này bà vẫn chưa dọn hết đồ đạc ra khỏi phòng trọ.

Ngày 02/11/2025, bà H1 đến phòng trọ đập khóa cửa, khi tối về phòng trọ bà phát hiện sự việc nên bà mua khóa khác để khóa cửa thì ngày hôm sau bà H1 gọi điện thoại đe dọa bà. Do đó, từ sau ngày 02/11/2025 bà không đến phòng trọ nữa.

Bà xác nhận đã ở phòng trọ của bà H1 từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/11/2025. Bà đã trả cho bà H1 tổng số tiền 11.000.000 đồng (bao gồm: 9.500.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền đặt cọc). Nay bà đồng ý trả tiền thuê phòng trọ cho bà H1 từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/11/2025 và tiền điện nước là 714.000 đồng, sau khi tính toán số tiền còn lại bao nhiêu thì bà H1 phải trả cho bà.

Về yêu cầu bồi thường 02 ổ khóa bị đập: Bà H1 đập cửa bà 0 ổ khóa loại Việt Tiệp đang sử dụng, bà không biết giá trị của 02 ổ khóa là bao nhiêu, bà cũng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh giá trị hai ổ khóa. Theo bà hai ổ khóa trên có giá là 200.000 đồng, bà yêu cầu bà H1 phải bồi thường cho bà số tiền trên.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: Bà căn cứ vào việc bà H1 đập khóa phòng trọ và chửi bới bà nên bà yêu cầu bà

H1 phải bồi thường cho bà số tiền 10.000.000 đồng. Lý do, bà bị những người trong xóm trọ nghĩ xấu cho nên bà phải yêu cầu bà H1 bồi thường cho bà số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận ngày 28/10/2025, bà và bà H1 thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê nhà, bà H1 đã trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng, số tiền 3.500.000 đồng còn lại bà H1 hẹn tuần sau sẽ trả. Sau khi chấm dứt hợp đồng vào ngày 28/10/2025, bà có xin bà H1 đến phòng trọ tắm trong một vài ngày và được bà H1 đồng ý. Ngày 02/11/2025, bà H1 đến đập ổ khóa phòng trọ nên từ đó trở đi bà không đến phòng trọ nữa. Bà đồng ý thanh toán cho bà H1 tiền thuê phòng trọ từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/11/2025 và 714.000 đồng tiền điện nước, yêu cầu bà H1 phải trả cho bà số tiền còn lại là 3.258.000 đồng. Bà đồng ý rút yêu cầu buộc bà H1 bồi thường giá trị 02 ổ khóa bị đập là 200.000 đồng và rút yêu cầu buộc bà H1 bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị H1 trình bày: Vào năm 2024, bà Nguyễn Thị Thu H có thuê phòng trọ của bà (có làm hợp đồng thuê nhà), giá thuê là 1.500.000 đồng/tháng. Ngày 30/7/2025, hai bên thỏa thuận bà H tiếp tục thuê nhà của bà, thời gian thuê 06 tháng nếu bà H ở hết 06 tháng và trả tiền đủ 06 tháng thì bà sẽ cho ở thêm 01 tháng là 07 tháng (không làm hợp đồng thuê). Bà H đồng ý và đã chuyển cho bà số tiền 9.500.000 đồng (gồm 9.000.000 đồng tiền nhà, 500.000 đồng tiền điện nước) và 1.500.000 đồng tiền đặt cọc, tổng cộng là 11.000.000 đồng. Sau khi thuê nhà, bà H không ở mà nuôi chó, mèo trong phòng trọ, gây mất vệ sinh môi trường. Do đó, khoảng cuối tháng 8/2025, bà thông báo cho bà H về việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà. Bà H không đồng ý và hứa sẽ ở sạch sẽ. Sau đó, bà H vẫn không giữ vệ sinh nên bà tiếp tục yêu cầu bà H trả phòng trọ. Ngày 17/10/2025, bà H nhắn tin yêu cầu bà xuống phòng trọ để tính tiền và bàn giao phòng trọ nhưng khoảng 10 ngày sau bà mới xuống phòng trọ gặp bà H.

Ngày 28/10/2025, bà và bà H thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê nhà, bà H phải giao nhà trọ cho bà. Khi đó, hai bên thống nhất bà sẽ trả lại hết tiền cho bà H, bà H phải chịu 3 tháng tiền thuê phòng trọ, bà đã trả cho bà H 3.000.000 đồng, số tiền còn lại bà sẽ trả bà H sau 03 ngày (bà không xác định rõ số tiền còn lại là bao nhiêu), bà H có xin đến tắm rửa trong thời gian chưa có ai thuê phòng trọ thì bà đồng ý. Sau đó, bà H vẫn không chịu dọn dẹp phòng trọ để trả cho bà, bà xuống gọi nhưng bà H cũng không mở cửa, bà có gọi điện thoại cho bà H nhưng không được, bà thấy trong phòng trọ có nội dung “không ai được thuê phòng trọ này”. Ngày 02/11/2025, bà có nhờ người xuống đập ổ khóa. Ngày 08/12/2025, bà tiếp tục nhờ người xuống đập khóa để lấy lại phòng trọ. Thực tế bà H đã ở phòng trọ của bà từ ngày 30/7/2025 đến ngày 08/12/2025 là 4,5 tháng (thành 05 tháng), tương đương với số tiền 7.500.000 đồng. Như vậy, bà H phải chịu 8.000.000 đồng

tiền thuê phòng trọ và tiền điện nước, bà đã trả cho bà H 3.000.000 đồng, tổng cộng là 11.000.000 đồng.

Về việc đập phá 02 ổ khóa: Bà có kêu thợ mở khóa (tên Nguyễn T) 02 lần đến phá khóa để mở cửa phòng trọ (ngày 02/11/2025 và ngày 08/12/2025) vì bà có yêu cầu mở cửa nhưng bà H không mở. Việc bà mở cửa có hàng xóm chứng kiến.

Về việc bà H cho rằng bà có hành vi, chửi bới, xúc phạm bà H: Bà không chửi bới, xúc phạm bà H. Giữa bà và bà H chỉ có việc nói qua nói lại chứ bà không chửi bới hay lên mạng xã hội để xúc phạm bà H.

Vì vậy, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 351, 422, 428 của Bộ luật Dân sự; Điều 172 Luật nhà ở năm 2023; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, buộc bà Phan Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H tiền thuê phòng trọ còn lại là 3.258.000 đồng.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc bà Phan Thị H1 phải bồi thường giá trị 02 ổ khóa bị đập với số tiền 200.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Phan Thị H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị H1 phải trả lại tiền thuê phòng trọ; bồi thường giá trị 02 ổ khóa bị đập và bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp tiền thuê nhà; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*” theo khoản 3, khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường P, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H buộc bà Phan Thị H1 phải trả lại số tiền thuê phòng trọ còn lại là 3.500.000 đồng:

[2.1.1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở xác định: Giữa bà Nguyễn Thị Thu H và bà Phan Thị H1 có xác lập hợp đồng thuê nhà (phòng trọ) tại tổ dân phố I, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa thông qua thỏa thuận miệng, thời gian thuê từ ngày 30/7/2025 đến ngày 28/02/2026, giá thuê 9.000.000 đồng, tiền điện nước 500.000 đồng, tiền đặt cọc 1.500.000 đồng. Bà H đã thanh toán cho bà H1 tổng số tiền là 11.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà H1 không giữ gìn vệ sinh, sử dụng phòng trọ không đúng mục đích nên tháng 10/2025 bà H1 đề nghị chấm dứt hợp đồng và được bà H đồng ý. Ngày 28/10/2025, hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng, bà H có nghĩa vụ trả phòng trọ cho bà H1, bà H1 thanh toán số tiền thuê nhà còn lại cho bà H. Đây là những tình tiết được các đương sự thừa nhận, là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1.2] Nguyên đơn trình bày khi chấm dứt hợp đồng vào ngày 28/10/2025, hai bên thống nhất bà phải chịu tiền thuê 03 tháng là 4.000.000 đồng, bà H1 phải trả cho bà 04 tháng tiền thuê nhà còn lại là 5.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền đặt cọc, tổng cộng là 6.500.000 đồng. Bà H1 đã thanh toán cho bà số tiền 3.000.000 đồng, số tiền 3.500.000 đồng còn lại hẹn tuần sau sẽ trả. Bị đơn bà Phan Thị H1 cho rằng bà H phải chịu 03 tháng tiền thuê nhà, bà đã trả cho bà H 3.000.000 đồng, số tiền còn lại bà sẽ trả cho bà H sau 03 ngày (bà không xác định số tiền còn lại là bao nhiêu) nhưng sau đó do bà H không chịu mở cửa phòng trọ và thực tế đã ở phòng trọ đến ngày 08/12/2025 nên bà không đồng ý với yêu cầu đòi tiền thuê phòng trọ của bà H.

[2.1.3] Xét thấy, lời khai của các đương sự thừa nhận hai bên chấm dứt hợp đồng thuê nhà vào ngày 28/10/2025. Bà H phải chịu tiền thuê nhà 03 tháng tiền nhà. Sau khi chấm dứt hợp đồng bà H có xin ở lại phòng trọ một vài ngày trong thời gian chưa có người thuê nhà và được bà H1 đồng ý, ngoài ra các bên không có bất kỳ thỏa thuận nào khác về việc bà H tiếp tục thuê phòng trọ của bà H1. Như

vậy, việc bà H ở phòng trọ đến ngày 02/11/2025 là do có sự đồng ý của bà H1, các bên không có thỏa thuận nào về việc bà H tiếp tục thuê phòng trọ. Bà H1 cho rằng, bà H khóa cửa và tiếp tục ở đến ngày 08/12/2025 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.1.4] Về giá thuê phòng trọ: Bà H trình bày giá thuê theo thỏa thuận là 9.000.000 đồng/7 tháng; Bà H1 cho rằng giá thuê 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy, giữa các bên không làm hợp đồng thuê phòng trọ, thực tế bà H1 đã nhận của bà H số tiền 9.000.000 đồng tiền thuê phòng trọ trong thời gian từ ngày 30/7/2025 đến ngày 28/02/2026 là 07 tháng. Việc chấm dứt hợp đồng là do bà H1 đề nghị và được bà H đồng ý. Do đó, có cơ sở xác định giữa các bên có thỏa thuận về giá thuê phòng trọ là 9.000.000 đồng/7 tháng.

Như vậy, thời gian bà H ở phòng trọ từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/11/2025 là 03 tháng 04 ngày, tương đương với số tiền là 4.028.000 đồng. Bà H đồng ý thanh toán tiền phòng trọ cho bà H1 từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/11/2025 và tiền điện nước là 714.000 đồng. Tổng số tiền bà H phải chịu là 4.028.000 đồng + 714.000 đồng = 4.742.000 đồng. Như vậy, bà H1 còn phải thanh toán cho bà H số tiền thuê phòng trọ còn lại là 3.258.000 đồng (cách tính: 11.000.000 đồng – 3.000.000 đồng – 4.742.000 đồng).

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị Thu H, buộc bà Phan Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H tiền thuê phòng trọ còn lại là 3.258.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc bị đơn bà Phan Thị H1 phải bồi thường giá trị 02 ổ khóa với số tiền 200.000 đồng và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 10.000.000 đồng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện đồng ý rút các yêu cầu khởi kiện này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc bị đơn bà Phan Thị H1 phải bồi thường giá trị 02 ổ khóa với số tiền 200.000 đồng và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 10.000.000 đồng.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn bà Phan Thị H1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 351, 422, 428 của Bộ luật Dân sự; Điều 172 Luật nhà ở năm 2023; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, buộc bà Phan Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H tiền thuê phòng trọ còn lại là 3.258.000 đồng (Ba triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc bà Phan Thị H1 phải bồi thường giá trị 02 ổ khóa bị đập với số tiền 200.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000917 ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bà Phan Thị H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10 - 9 - 2026)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND KV5 – Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Phạm Thị Dung

